

GIÁ TRỊ NHÂN VĂN TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CỦA NGUYỄN BÌNH KHIÊM

ThS. HUỠNH NGỌC BÍCH(*)

Tóm tắt: Tư tưởng triết học của Nguyễn Bình Khiêm nằm trong bình diện chung của tư tưởng triết học phương Đông và tư tưởng triết học Việt Nam. Tư tưởng triết học của ông không tham vọng giải thích nguồn gốc thế giới mà chủ yếu hướng về triết lý nhân sinh, khuyên răn giáo huấn con người về mặt đạo đức, lễ sống và cách xử thế ở đời. Do đó, nó thấm đượm giá trị nhân văn và tinh thần nhân đạo của Nguyễn Bình Khiêm.

Từ khóa: giá trị nhân văn; tư tưởng triết học Nguyễn Bình Khiêm

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, đã có nhiều học thuyết đề cập đến số phận con người, phản ánh tâm tư, nguyện vọng muốn được giải phóng khỏi những bế tắc trong cuộc sống, giải thoát khỏi những áp bức, bất công và nô dịch của con người. Đó chính là tư tưởng nhân văn, nhân đạo được thể hiện ở các mức độ và trình độ khác nhau, tiếp cận từ những khía cạnh, bình diện khác nhau. Nhân văn là giá trị mang tính phổ quát, tổ hợp các yếu tố chân - thiện - mĩ, là những giá trị cao đẹp mà con người hướng đến và không ngừng hoàn thiện. Tư tưởng triết học Nguyễn Bình Khiêm cũng hướng tới các giá trị cao đẹp ấy. Tinh thần nhân văn sâu sắc trong tư tưởng triết học của ông thể hiện trước hết và rõ nhất ở tình yêu thương con người và tinh thần phê phán chiến tranh phong kiến - nguyên nhân sâu xa dẫn đến những đau khổ mất mát của đời người.

2. Tình yêu thương con người trong tư tưởng triết học Nguyễn Bình Khiêm

Sinh ra và lớn lên trong thời kì loạn lạc của xã hội phong kiến Việt Nam, chứng kiến cảnh các thế lực phong kiến tranh giành quyền lực, chém giết lẫn nhau vì ngôi vị đế vương, nhân dân lâm than đói khổ. Nguyễn Bình Khiêm không khỏi xót xa cho nhân tình thế thái. Ông nghe nhiều, thấy nhiều, suy tư nhiều, do đó lại càng thấu cảm với tình cảnh khốn khó của nhân dân. Càng thấu cảm bao nhiêu thì tấm lòng yêu thương của ông dành cho họ càng lớn bấy nhiêu. Nguyễn Bình Khiêm yêu thương con người bằng cả tấm lòng chân thành và khát vọng của mình. Điều này được thể hiện sống động bằng chính cuộc đời và hành động của Nguyễn Bình Khiêm.

Tình yêu thương con người trong tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm được thể hiện rõ nhất và trước nhất ở sự cảm thông, chia sẻ với những vất vả, khổ sở của dân chúng. Ông đau xót trước cảnh bần hàn, lam lũ của người dân quê, cánh dơi, chạy loạn của dân chúng. Quan tâm đến đời sống của nhân dân, nhất là ở những nơi thôn dã. Ông bày tỏ sự cảm thông sâu sắc đối với cảnh lâm than, thấu hiểu những khốn khó mà người dân phải gánh chịu:

(*)Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

"Ngoài đồng chỉ có năm lúa khô
 Trong kho không còn hạt thóc thừa
 Người nông dân khó nhọc và than thở
 Người cây ruộng gầy ốm và khóc lóc"⁽¹⁾.

Đối với những người nghèo khổ, cơ cực, ông đặc biệt mong muốn họ được thoát khỏi cảnh túng quẫn, bần hàn. Ông kêu gọi những người giàu có quan tâm, chia sẻ, xót thương, khuyên răn họ phải biết yêu thương, ban bố cho người nghèo khổ hơn, người giàu không nên "mua rẻ của người nghèo", khi cho vay "xin đừng lấy lãi cao". Đối với người tàn tật, ông cũng đề xuất nên có chính sách chăm lo cho họ: người tàn tật, mù lòa thì sách dạy cho họ nghề hát, nghề bói để tự nuôi sống mình.

Chúng kiến cảnh loạn lạc, chiến tranh liên miên, trong xã hội kè bạo ngược ngang nhiên dùng vũ lực hà hiếp người yếu thế, Nguyễn Bình Khiêm quan niệm yêu thương con người một cách thiết thực là phải đem lại sự vui sướng, sự "an lạc" cho dân, phải làm cho "dân lầm than khổ cực sẽ được nằm trên nệm chiếu yên ổn"⁽²⁾. Muốn làm được điều đó thì cần nhất và trước nhất là phải chấm dứt, loại bỏ khỏi xã hội những hành động bạo ngược, độc ác, phải "dĩ nhân phạt bất nhân... cứu thử điều sai dân - lấy lòng nhân để phạt kẻ bất nhân để cứu dân vô tội đang lâm vào cảnh cùng cực"⁽³⁾, phải nêu "chính nghĩa diệt lũ hung tàn" để thỏa mãn khát vọng hòa bình của người dân. Bên cạnh đó, theo Nguyễn Bình Khiêm, thương yêu, muốn đem lại hạnh phúc cho con người thì trước hết phải hiểu được tâm tư nguyện vọng của họ. Chỉ có hiểu được tâm tư, nguyện vọng của dân thì mới có biện pháp và phương cách giúp dân một cách hiệu quả và thiết thực. Điều này cũng là vấn đề trần trụi suốt đời của nhà nho "ưu thời mẫn thế" Nguyễn Bình Khiêm.

Lòng yêu thương con người ở Nguyễn Bình Khiêm còn được thể hiện thông qua việc vạch trần những thói nát của bọn quan lại cường hào, sự hiểm ác của bọn giàu sang, sự giả nhân, giả nghĩa của giai cấp thống trị. Ông xót xa khi thấy cảnh chênh lệch lớn giữa mức sống giữa các nhà quyền quý và người dân, ông viết:

"Ti thếp đua mặc gấm mặc lụa,
 Dụng cụ đồ dùng đúc đồ sơn.
 Cửa sổ phòng ở rực sáng như sao chi chít,
 Kho đụn ẩm ấp kể nhau như cái rường lược"⁽⁴⁾.
 Về cảnh khốn cùng của người dân, ông viết:
 "Chẳng khác chim bị mất tổ,
 Giống hệt cá bị máu dồn xuống đuôi.
 Lúc ấy như thế là cùng cực,
 Sinh dân quá ư tiêu tụy"⁽⁵⁾.

"Áo quần rách rưới khó che thân thể,
 Vết xanh, vết niêu, thức ăn khó no bụng"⁽⁶⁾.
 Thực trạng đó làm Nguyễn Bình Khiêm cảm thấy: "Ngán nhìn đời đục buổi bon chen"⁽⁷⁾. Không những vậy, ông còn đưa ra những bằng chứng cụ thể, đó là những hành động xấu xa của giai cấp thống trị đương thời như: "khi ở triều đình thì tranh nhau vì danh, khi ở chợ búa thì tranh nhau về lợi, khoe là sang thì lâu son gác tía, khoe là giàu thì có vũ tạ ca lâu; thấy ngoài đường có người chết đói, không dám bỏ một đồng tiền ra cứu giúp, thấy ngoài đồng có người nằm sương, không chịu bỏ ra một nắm rạ để che đậy...", "hiện đại sang trọng thì kiêu căng, giàu có thì xa xỉ, nhà cửa trang hoàng lộng lẫy, chạm trổ vẽ vờ. Xa xỉ cùng cực, lấy sấp đụn thay cùi, lấy đường trát vỏ, say rượu nồng, no chất tươi, mặc áo da nhẹ, cưỡi ngựa béo... tối mắt vì lợi lộc, như cuồng, như ngầy"⁽⁸⁾. Tội ác của chúng còn được Nguyễn Bình Khiêm ví như những con chuột đục khoét tài sản của dân, làm hại dân, hại nước. Trong cảnh loạn lạc, với nhiều mưu gian, kế độc bọn chúng ý thể cậy quyền, núp vào nơi miếu đường, thành quách - những nơi được cho là thiêng liêng, không thể xâm phạm để "làm điều gian", để găm nhám, ăn vụng hết thóc lúa của người dân. Nguyễn Bình Khiêm còn ví những kẻ bạo tàn giống như con cá lớn, ý vào sức mạnh mà "nuốt những con cá bé". Ông cảnh báo: những con "cá lớn" làm trái đức hiếu sinh của trời đất, "cậy mình mạnh ăn thịt loài nhược tiểu"⁽⁹⁾ chỉ vì "lòng tham chưa bao giờ no chán" "chỉ cần cho thân mình được béo bở" thì trước sau gì cũng sẽ rước họa vào thân. Bởi, "một khi lưới to được giăng ra thì loài cứng vầy cứng mai" cũng "không tìm được

chỗ nào có thể ẩn nấp”⁽¹⁰⁾. Còn những “con chuột” do “đã làm mất lòng thiên hạ” nên “tất sẽ bị thiên hạ giết chết, phơi xác mi ở chốn triều thị, quạ và điều rìa thịt mi”⁽¹¹⁾. Với tội ác làm “cá thần và người đều oán giận” như vậy, nhất định bọn chúng sẽ bị giết chết.

Lòng yêu thương con người trong tư tưởng triết học của Nguyễn Bình Khiêm càng mang ý nghĩa nhân văn khi thể hiện ở lòng khoan dung độ lượng, tha thứ cho những người từng mắc phải sai lầm. Cho đến, Nguyễn Bình Khiêm “tuy nói rằng ghét kẻ bạo ngược. Nhưng cũng khá thương cho bước đường cùng của nó”⁽¹²⁾. Ông khuyên “không nên tâu sát quá nhiều”, “loài to loài nhỏ nên để cho nhau yên”⁽¹³⁾, “ăn cần thị võng nhi, đa sát thù bất khả”. Ông thương xót chứ không ghét bỏ, dù phát hiện ra bao nhiêu thói xấu ẩn nấp trong con người, ông muốn giúp họ cải tạo, gạt đi cái xấu, tăng thêm những tính tốt để được sống yên vui như họ đang được hưởng.

Thế kỉ XVI - thực tiễn xã hội mà Nguyễn Bình Khiêm sinh sống đang phải oằn mình trước thời đời bạc bẽo, người ta dễ dàng thay trắng đổi đen trong khắc giây, tình nghĩa được cân đong đo đếm bằng “vàng mười”, nhân nghĩa bị xem thường và cũng có thể được mua chuộc cũng bằng “vàng mười”: “đời nay nhân nghĩa tựa vàng mười, có của thì hơn hết mọi lời”⁽¹⁴⁾. Con người sống trong hoàn cảnh như thế khó lòng mà giữ được nhân nghĩa. Vì vậy, Nguyễn Bình Khiêm khuyên con người dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải ráng giữ lòng lương thiện, không được trái đạo làm điều ác đức, phải tích đức cho con cháu. Đồng thời, ông cũng nhắc nhở con người cũng nên cảnh giác, phòng ngừa những kẻ bất nhân “tua niệm quan phòng kẻ bất nhân”⁽¹⁵⁾, khuyên con người nên sinh sống gần người lương thiện, tìm chỗ ở là nơi có nhiều người tốt để có cuộc sống yên vui, đầm ấm với láng giềng: “lý nhân tối ái tư vi mỹ, lân đức tông tri tất bất cô”⁽¹⁶⁾.

Có thể thấy, Nguyễn Bình Khiêm không chỉ đơn thuần đề cập đến tình yêu thương con người, mục đích sâu xa ông muốn hướng tới là

xây dựng nền tảng tư duy và hành động theo điều thiện, hướng tới đạo nhân cho con người. Theo ông, tất cả mọi việc trên đời đều xuất phát từ nhân nghĩa. Nhân nghĩa là điều quan trọng nhất: “đầu mối của đạo nhân từ đó mà ra, tột độ của trị bình tới đó là đứng vững”⁽¹⁷⁾, cũng là công cụ hữu hiệu nhất để thu phục lòng người, là bất diệt. Ông viết: “Cái mà không thể chết được đó là lòng người, cái mà không mất được là lẽ trời, suy ra từ đầu mối của điều nhân, dùng lại ở nền trị bình tột bậc, ai biết chỗ vui thích nhất, chỉ là theo đuổi điều thiện mà thôi”⁽¹⁵⁾.

3. Phê phán chiến tranh phong kiến - nét nổi bật làm nên tính nhân văn trong tư tưởng triết học Nguyễn Bình Khiêm

Trong bối cảnh xã hội nhiễu nhương, khát vọng lớn nhất của nhân dân chính là được sống trong thái bình, yên ấm. Ông nhận ra chiến tranh là một trong những nguồn gốc đẩy con người, coi thể là nhân dân lao động, vào cảnh khốn cùng. Ông lên án chiến tranh phân liệt, coi nó là biểu hiện cực đoan, cuồng vọng của “đám người quyền thế”, khiến đất nước rơi vào tai họa cùng quẫn, chia năm xẻ bảy. Ông chứng kiến chiến tranh liên miên gây ra bao cảnh loạn lạc, “đầu rơi máu chảy”, khiến người dân phải “tay bồng tay bế dắt diu nhau bỏ trốn”. Các tập đoàn phong kiến cát cứ, tranh giành lãnh thổ, ra sức bóc lột dân chúng để xây thành đắp lũy, bắt phu, bắt lính để cung cấp nguồn lực cho chiến tranh. Tình cảnh đó làm cho ruộng đồng bị bỏ hoang, sản xuất bị đình trệ. Cảnh cha con, chồng vợ bị bắt đi phu, di lính, cảnh chết đói bần cùng xảy ra khắp nơi.

Chiến tranh là một biến cố khắc nghiệt nhất trong cuộc đời của mỗi con người và xã hội loài người. Trong hoàn cảnh ấy, người dân thấp cổ bé họng là chịu nhiều đau thương, mất mát và khổ cực nhiều nhất. Chiến tranh khiến người dân phải “... dắt vợ bé con đi, lưu ly vứt bỏ trẻ nít, già ốm lăn xuống ngòai rãnh, chết đói nằm đầy công làng”⁽¹⁹⁾. Ông đau xót khi người dân “như bị treo ngược” khi rơi vào tay giặc dữ và “mắt thấy nơi nơi đều làm than. Đi qua khắp chốn đều là sinh gai góc”⁽²⁰⁾.

Nguyễn Bình Khiêm kịch liệt phản đối và phê phán chiến tranh phong kiến cùng những kẻ chủ mưu. Ông “cười bọn thù tặc cứ tranh giành lẫn nhau, thiên hạ đang rối bời, hận chưa đẹp yên”, và “ngán nhìn bọn giặc điên cuồng đã lâu, chiến tranh với nhau giết hại đến một nửa”. Chính vì vậy, ông bày tỏ lòng mong mỏi không giầu giếm đối với nhà Mạc trong việc “ra quân dẹp loạn”. Ông sẵn sàng vui lòng theo xa giá nhà vua đi diệt trừ bọn Vũ Văn Uyên, Vũ Văn Mật ở tận Tuyên Quang, không ngại tuổi già sức yếu, đường xá hiểm trở, gặp ghềnh. Nguyễn Bình Khiêm kỳ vọng vào bàn tay “khử bạo” của nhà Mạc không phải vì bản thân sự tồn tại của triều đại đó, mà mục đích chính là vì tình yêu thương đối với con người, cụ thể là nhân dân lao động. Bất kì bài thơ nào của Nguyễn Bình Khiêm đều ẩn chứa trong đó sự suy nghĩ về vận mệnh của nhân dân. Ông bày tỏ thái độ “rất thương dân mọn mắc nạn đói rét”, và kêu gọi bậc nhân giả nếu biết suy lòng biết nhẩn thì “hãy thương xót mà nói cho dân một đôi phần”, và ước mong “ai nếu đại nghĩa diệt lũ hung tàn”. Nguyễn Bình Khiêm mong muốn làm con ngao lớn để đầu đội trời, chân làm trụ chống đất, ông muốn: “giúp đời nghiêng ngả, kéo lại sơn hà mạnh mẽ kinh”⁽²¹⁾.

Nguyễn Bình Khiêm đã vạch trần sự phi lí của chiến tranh. Theo ông, chiến tranh không đem lại bất cứ lợi ích gì, bởi nó làm cho “khắp nơi chỗ nào cũng máu chảy thành sông, xương chất như núi”, “lửa dữ cháy bùng bùng đốt cả ngọc đá”. Thông qua đó, Nguyễn Bình Khiêm cũng vạch trần dã tâm của những kẻ thích theo đuổi chiến tranh. Đó là những kẻ “nhà ở đem bê làm cũi đốt, trâu cày đem mổ làm thịt ăn, cướp đoạt tài sản không phải là của mình, hiếp dỡ người không phải là vợ mình”⁽²²⁾, những kẻ “đuôi cá đến vực sâu, đuôi chim vào bụi rậm”. Những kẻ như thế nhất định phải bị trừng phạt. Chính thái độ căm ghét chiến tranh và lòng thương xót đến từng số phận đã làm cho tư tưởng nhân nghĩa, mà biểu hiện là lòng yêu thương con người của Nguyễn Bình Khiêm trở nên rất chân thật, tha thiết, sâu sắc,

gần gũi và thiết thực.

Ở góc độ khách quan, Nguyễn Bình Khiêm đã có lúc đứng trên lập trường của nhà nước phong kiến - cụ thể là nhà Mạc - đề lên án các phe phái phong kiến khác gây chiến tranh chống lại triều Mạc. Tuy nhiên, mục đích thực sự của Nguyễn Bình Khiêm là mong muốn bảo vệ cuộc sống của nhân dân - nạn nhân của chiến tranh để chống lại mọi biểu hiện làm nguy hại đến sự bình yên, an lạc của người dân. Mọi việc ông làm đều xuất phát từ tấm lòng thương yêu dân, yêu thương con người sâu nặng, từ tâm huyết muốn cứu vãn cả xã hội đang xuống dốc, thiết lập một trật tự xã hội phong kiến “vua sáng tôi hiền, dân chúng ấm no”. Không chỉ tố cáo, lên án chiến tranh, mà xét cho cùng, thái độ chống chiến tranh phi nghĩa của Nguyễn Bình Khiêm còn là tiếng nói mạnh mẽ, đòi quyền sống cho con người, đòi giai cấp thống trị phải trả lại cuộc sống hạnh phúc cho con người. Vì vậy, tấm lòng vì nước, vì dân, vì con người của Nguyễn Bình Khiêm đã trở thành ánh hào quang tỏa sáng suốt thế kỉ XVI đầy đau thương và loạn lạc.

Tóm lại, trong cuộc đời gần trọn một thế kỉ, Nguyễn Bình Khiêm đã nhiều lần *xuất xử*, nhưng dù *xuất* hay *xử* ông vẫn luôn trung thành với đạo làm người và thương yêu con người. Mọi suy nghĩ, hành động của ông đều không nằm ngoài hai chữ “nhân nghĩa”. Chính điều đó đã tạo nên cho tư tưởng Nguyễn Bình Khiêm tinh thần văn cao cả và có sức giáo hóa cao, trở thành đạo xử thế cõi mở, vượt xa và tiến bộ hơn những luân lí mang tính khuôn khổ, cứng nhắc của Nho giáo truyền thống. Nguyễn Bình Khiêm đã nâng những luân lí ấy lên tầm cao mới và thổi vào đó luồng gió thời đại mang đậm nét khai phóng của một tư duy biết sáng tạo và ứng xử linh hoạt với thời cuộc □

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18), (19), (20).

(21) (22) *Hồi đồng lịch sử Hải Phòng, Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm, tổng tập*, Nhà xuất bản Văn học, Hải Phòng, 2014, tr. 309, 219, 312, 428, 442, 429, 273, 334, 304, 304, 308, 304, 304, 735, 735, 218, 320, 319, 273, 306, 287 và 313